

Một số ý kiến về

Công tác quản lý và chỉ đạo cơ giới hóa nông nghiệp ở các tỉnh phía Nam

LÊ VĂN LAI

TRONG lúc cả nước đang tập trung mọi sức lực đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết 2 của Trung ương Đảng, riêng đối với các tỉnh phía Nam, muốn khai thác được đầy đủ những tiềm năng phong phú của nông nghiệp thì một trong những vấn đề cấp thiết là phải phát huy hết những khả năng về trang bị kỹ thuật hiện có trong nông nghiệp, đồng thời phải sử dụng hợp lý những máy móc thiết bị của trung ương đầu tư cho các địa phương phía Nam.

Muốn vậy, phải đánh giá lại một cách tương đối chính xác tình hình trang bị công cụ máy móc dùng trong nông nghiệp hiện nay và có biện pháp quản lý kỹ thuật, chỉ đạo sản xuất hợp lý.

Đầu năm 1977, Tổng cục Trang bị kỹ thuật và cơ giới hóa Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp) đã tổ chức một đợt điều tra tình hình trang bị công cụ và máy móc dùng trong nông nghiệp của 30 tỉnh, thành phố phía Nam (tổ chức điều tra tận nông hộ). Qua kết quả điều tra đó, chúng tôi xin nêu một số ý kiến đề xuất để bạn đọc tham khảo.

I - MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ CƠ KHÍ NÔNG NGHIỆP Ở CÁC TỈNH PHÍA NAM

Hiện nay trong nông dân cá thể ở các tỉnh phía Nam đã được trang bị khoảng 1,5 triệu kW cơ điện nông nghiệp (2,2 triệu mã lực), nhưng đặc điểm cơ bản của trang bị kỹ thuật kể trên là tính tự phát của sản xuất nông nghiệp cá thể theo hướng tư bản chủ nghĩa, đồng thời chịu ảnh hưởng của chiến tranh, cho nên có nhiều điểm không thích hợp với tính chất sản xuất kế hoạch hóa xã hội chủ nghĩa.

1. Về máy kéo trong khâu làm đất, biểu hiện nổi bật hai điểm:

a) Tình trạng trang bị sức kéo không đều giữa các tỉnh, các huyện, mất cân đối với diện tích canh tác.

Các tỉnh, thành phố phía Nam có thể phân làm 3 loại hình trang bị như sau:

— Loại tỉnh có sức kéo làm đất chủ yếu bằng sức sức vật (trâu bò) gồm: Quảng Đà, Nghĩa Bình, Gia Công.

— Loại tỉnh có sức sức vật và sức máy ngang nhau, gồm Phú Khánh, Sông Bé, Minh Hải, Bến Tre, Tiền Giang.

— Loại tỉnh có sức máy chiếm chủ yếu, gồm 12 tỉnh: Đắk Lắk, Lâm Đồng, Thuận Hải, Tây Ninh, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Cửu Long, Đồng Tháp, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang.

Trong 20 tỉnh thành phía Nam, có 5 tỉnh thiếu sức kéo nghiêm trọng (Gia Lai - Kontum, Sông Bé, Tiền Giang, Minh Hải, Kiên Giang); 5 tỉnh tạm đủ sức kéo (Quảng Nam - Đà Nẵng, Bến Tre, Hậu Giang, Long An, Thuận Hải) và 10 tỉnh có dư sức kéo.

b) Công cụ theo sau máy kéo để làm đất có 2 loại: cày chảo cho máy lớn, và phay cho máy nhỏ. Làm đất khô là chủ yếu, độ sâu khoảng 8-10 cm, kỹ thuật làm đất mới phù hợp với trình độ kỹ thuật hiện có, thâm canh chưa cao.

Với phương hướng sản xuất nông nghiệp trong thời gian tới là thâm canh và tăng vụ, chúng ta cần nghiên cứu để bổ sung công cụ làm đất theo sau máy kéo cho thích hợp với từng vùng có khả năng đẩy mạnh thâm canh và tăng vụ.

2. Về động cơ nổ

Số động cơ nổ dùng trong nông nghiệp lên tới trên 31 vạn chiếc, tổng công suất gần 3 lần tổng công suất máy kéo dùng trong khâu làm đất; số động lực này chủ yếu dùng trong 2 công việc chính: bơm nước và chạy thuyền một số ít dùng để xay xát, tuốt đập v.v...

Nhìn chung, phần động cơ nổ chiếm khối lượng công suất khá lớn, nhưng khối lượng việc làm phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp còn ít. Phần máy móc phục vụ trực tiếp cho sản xuất (như bơm nước) lại chỉ thích hợp với điều kiện sản xuất tiểu nông, cá thể. Trong hoàn cảnh cung cấp xăng dầu và phụ tùng sửa chữa gặp nhiều khó khăn, thời gian tới cần nhanh chóng nghiên cứu chuyển hướng phục vụ cho nguồn động lực.

3. Về công cụ và máy móc để phục vụ các khâu canh tác khác (như phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch, làm khô sản phẩm và chế biến).

Trước kia sản xuất chủ yếu là một mùa khô, có làm tăng vụ nhưng không rõ thời vụ; công cụ thô sơ, thủ công và quá thiếu, cho nên muốn thực hiện được chủ trương tập trung thời vụ, tăng vụ, đặc biệt là tăng vụ hè thu và tăng màu, như tinh thần của Nghị quyết Trung ương lần thứ hai, đòi hỏi ta phải nhanh chóng tăng cường trang bị công cụ và máy móc cho các khâu kể trên.

4. Về công việc chăm sóc sửa chữa máy

Người dùng máy chỉ biết những việc chăm sóc đơn giản cho máy, chủ yếu là việc cho dầu mỡ, còn những nội dung kiểm tra và điều chỉnh phức tạp thì ít biết làm, vì vậy có nhiều chi tiết máy bị hư hỏng quá sớm, như các loại ð bi côn lẽ ra có tuổi thọ từ 4 000 — 6 000 giờ, nhưng trong sử dụng, hầu hết các ð bi bị côn chỉ dùng 1 500 — 2 000 giờ đã bị vỡ (thông thường khoảng 500 — 1 000 giờ các ð bi bị côn phải tiến hành điều chỉnh khe hở, nhưng đã không được điều chỉnh).

Tính chất của việc sửa chữa là hỏng đâu thay thế đó, không đại tu toàn diện, cách sửa chữa máy đó chỉ thích hợp trong hoàn cảnh phụ tùng đầy đủ và sản xuất không mang tính kế hoạch hóa.

Trang thiết bị và đội ngũ thợ trong các gara cũng chỉ nhằm đảm bảo cho phương thức sửa chữa kể trên. Chúng ta cần giải quyết gấp việc xây dựng lực lượng sửa chữa và nhập phụ tùng, đồng thời phải tổ chức hướng dẫn cho người dùng máy kỹ thuật chăm sóc phức tạp để hạn chế tốc độ hư hỏng của một số phụ tùng quan trọng như ð bi, bánh răng v.v... góp phần tích cực vào việc giảm bớt khó khăn trong việc cung cấp phụ tùng.

II. MỘT SỐ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN CƠ GIỚI HÓA NÔNG NGHIỆP Ở CÁC TỈNH PHÍA NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

Hiện nay, máy móc và lao động kỹ thuật

cơ khí đã trở thành một lực lượng sản xuất quan trọng trong nông nghiệp của các tỉnh phía Nam, công tác chỉ đạo và quản lý kỹ thuật cơ khí nông nghiệp ở các tỉnh này có một vị trí rất trọng yếu trong toàn bộ quá trình chỉ đạo sản xuất nông nghiệp.

Chúng ta phải nhanh chóng tiến hành cải tạo lực lượng cơ khí nông nghiệp tư nhân, không những về mặt quan hệ sản xuất mà cả về mặt kỹ thuật, không những tiến hành cải tạo trong lực lượng sử dụng mà cả lực lượng sửa chữa.

Cụ thể, theo chúng tôi, cần tiến hành những nhiệm vụ sau đây:

1. Tổ chức lại lực lượng máy kéo tư nhân trên địa bàn huyện để họ dần từng bước làm quen với cách làm ăn tập thể, đưa sản xuất vào kế hoạch Nhà nước, đảm bảo huy động và cân đối được sức kéo trong nông nghiệp giữa các vùng, quản lý chặt chẽ được việc sử dụng xăng dầu, vật tư cơ khí và phụ tùng của Nhà nước cung cấp.

Có thể phân các máy dùng trong nông nghiệp thành 2 loại: loại máy kéo lớn, công suất trên 30 kW (trên 40 mã lực); loại máy kéo nhỏ và máy bơm nước, tuốt đập v.v... Do khả năng hoạt động của từng loại khác nhau nên tổ chức thành 2 hình thức tập hợp khác nhau. Đối với máy kéo lớn, có thể thành lập hợp tác xã máy kéo chuyên doanh, trở thành lực lượng sức kéo cơ động để cân đối sức kéo trên địa bàn toàn tỉnh, tận dụng được tính thời vụ chênh lệch giữa các vùng trong tỉnh, đồng thời làm hậu thuẫn cho phong trào hợp tác hóa nông nghiệp.

Đối với máy kéo nhỏ cũng như các loại máy móc khác, do công suất nhỏ, khả năng hoạt động hẹp, chủ yếu hoạt động trong địa bàn xã, khi tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp, cùng với ruộng đất trâu bò và các tư liệu sản xuất khác, chuyển thành sở hữu tập thể của hợp tác xã nông nghiệp; những tổ hợp máy hiện nay sẽ chuyển thành đội cơ khí của hợp tác xã nông nghiệp tương lai.

Đối với lực lượng gara sửa chữa tư nhân có thể tổ chức chủ yếu thành hai loại:

— Tổ sửa chữa trong đội cơ khí hợp tác xã nông nghiệp hay hợp tác xã máy kéo;

— Hợp tác xã sửa chữa chuyên doanh, cá biệt một số xưởng tư nhân tiến hành công tư hợp doanh.

Đối với động cơ nổ dùng bơm nước và chạy thuyền, cần chuyển hướng phục vụ:

— Chuyển hướng sử dụng động cơ nổ sang phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp như dùng các động cơ này để làm bơm thuốc trừ

sầu, kéo máy tuốt đập, làm sạch, hong sấy khô chế biến nông sản và chế biến thức ăn gia súc v.v...

— Tăng cường việc sử dụng ghe xuồng gắn máy để chuyên chở nông sản phẩm, xăng dầu, phân bón v.v...

Ngoài ra, đối với máy kéo cũng như động cơ, có những loại máy số lượng quá ít, khả năng ngoại tệ Nhà nước có hạn, không thể mua phụ tùng để bảo dưỡng tất cả được. Để sử dụng vốn đó có hiệu quả nhất, chúng ta cần lập trung bảo dưỡng những loại máy chính, mà theo điều tra của chúng tôi thì gồm có 8 loại máy kéo 4 bánh có số lượng lớn, với tổng số chiếm 95% tổng số máy kéo 4 bánh, 2 loại máy kéo 2 bánh (chiếm 85% tổng số máy kéo 2 bánh), 5 loại động cơ nổ (với tổng số chiếm 2/3 tổng số động cơ nổ).

2. Xây dựng lực lượng cơ khí nông nghiệp xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần làm các việc sau đây:

a) Xây dựng trạm cơ khí nông nghiệp và sửa chữa huyện là cơ sở vật chất—kỹ thuật cơ bản để cải tạo lực lượng cơ khí tư nhân. Việc đầu tiên cấp bách là ta phải tổ chức cải tạo lực lượng máy tư nhân thì mới có khả năng điều hòa được sức kéo. Hai yếu tố chủ yếu ràng buộc các chủ máy tư nhân với Nhà nước là xăng dầu và phụ tùng sửa chữa máy. Nhà nước cần nắm chắc hai yếu tố này để điều khiển các máy nông nghiệp tư nhân, đồng thời với sự giáo dục để đưa họ vào con đường hợp tác hóa.

Tổ chức lại lực lượng sửa chữa vững chắc cũng là biện pháp cơ bản để nuôi dưỡng và phát triển máy kéo của Nhà nước. Vì vậy đối với những huyện đã có máy, đặc biệt là những huyện nhiều máy, cần phải thành lập Trạm cơ khí nông nghiệp và sửa chữa huyện, gồm có lực lượng chỉ đạo phong trào cải tạo cơ khí nông nghiệp tư nhân và xưởng tiêu tu chuyên lo việc sửa chữa.

Riêng đối với những huyện thiếu sức kéo, trong trạm cơ khí nông nghiệp phải xây dựng thêm *đội máy kéo* để cân đối sức kéo, đồng thời làm hậu thuẫn cho phong trào hợp tác hóa nông nghiệp trong những vùng đó.

Do đặc điểm ruộng đất địa hình quy mô giải thửa, tính chất đất và cây trồng, cần lưu ý:

Về cỡ máy, các tỉnh phía nam có thể phân làm 3 loại: loại tỉnh máy nhỏ chiếm chủ yếu, như Nghĩa Bình, Quảng Nam—Đà Nẵng, Phú Khánh, Sông Bé (chủ yếu trên vùng đất lúa), Cửu Long; loại tỉnh máy lớn và nhỏ xấp xỉ ngang nhau: Bến Tre, Thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Lâm Đồng, Đồng Nai, Long An. Những tỉnh còn lại, máy lớn chiếm chủ yếu.

Nếu không chú ý đặc điểm này sẽ xảy ra tình trạng nơi đất hẹp cũng đưa máy lớn (như thời gian qua), làm cho việc di chuyển máy trên đồng qua đường máng rất khó khăn.

Về công cụ kèm theo máy kéo để phục vụ làm đất, nhiều vùng trồng lúa, chủ yếu mới trồng một vụ lúa mùa, nhưng cũng có tỉnh hệ số quay vòng ruộng đất cao như Bến Tre, Tiền Giang, Cửu Long, Long An, Hậu Giang (từ 1,3 đến 1,7); có những huyện phổ biến là hai vụ lúa như Tiền Giang, Hậu Giang, Bến Tre v.v...

Đối với vùng một vụ mùa thì làm đất ải.

Đối với vùng 2 vụ thường làm đất 1 vụ ải và 1 vụ dầm.

Vụ làm đất ải của vùng 2 vụ có thể có hai hình thức là: cây ải bừa dầm và cây ải bừa ải (tùy theo từng vùng 2 vụ đông—xuân, hè—thu là chính, hay đông xuân—mùa, hoặc hè thu—mùa...)

Như vậy, rõ ràng là mỗi vùng có yêu cầu trang bị khác nhau về công cụ theo sau máy kéo, như nơi cần bánh lồng thuyền phao, nơi cần bánh phụ bừa nước, nơi cần bơm theo sau máy kéo v.v...

Vừa qua, chúng ta chưa nắm được tình hình nên trang bị chưa sát đúng, thời gian tới chúng ta cần xác định trang bị cho địa bàn từng huyện, trang bị cho đúng, phù hợp với việc quản lý kỹ thuật mới chặt chẽ và có hiệu quả được.

b) Xây dựng các nông trường quốc doanh trên các vùng đất mới.

Theo chúng tôi, cần căn cứ trên quy hoạch và thiết kế nhiệm vụ của từng nông trường để trang bị cho phù hợp với nhiệm vụ sản xuất và với đặc điểm thiên nhiên, kết hợp ngay từ đầu việc xây dựng lực lượng lao động thủ công và lao động máy thành một đội ngũ lao động thống nhất của nông trường, xây dựng lực lượng cơ khí phải cùng với xây dựng bộ máy quản lý của nông trường. Trong thời gian đầu, quy mô nông trường còn quá nhỏ, đội cơ khí có thể chưa do nông trường quản lý, nhưng đây chỉ là giao thời.

Trong việc xây dựng lực lượng cơ khí nông nghiệp quốc doanh cần chú trọng ngay từ đầu:

— Trang bị cho sát, đúng.

— Huấn luyện, bồi dưỡng sử dụng máy đúng kỹ thuật.

— Sử dụng có quy trình, có chỉ tiêu định mức.

— Thiết lập được chế độ trách nhiệm kỹ thuật rõ ràng.

— Có chế độ thanh tra kỹ thuật chặt chẽ.